



**PHẬT GIÁO VÀ CƠ ĐỐC GIÁO
ĐANG CẠNH TRANH NHAU?
BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KAREN
Ở MIỀN BẮC THÁI LAN
(Tiếp theo Số 4 năm 2009)**

ROLAND PLATZ

Sự lựa chọn tôn giáo trong các cộng đồng làng

Nghiên cứu phát hiện ra rằng người Karen thích có một tôn giáo duy nhất trong gia đình hạt nhân hay hộ gia đình riêng biệt; trong số 170 hộ gia đình của 4 làng thì không có một hộ nào mà các thành viên có nhiều hơn một đức tin. Nơi mà các thành viên trong gia đình có các tín ngưỡng khác nhau, thông thường là các anh trai và các chị gái đã có gia đình riêng. Chẳng hạn như, chủ hộ của *aw cha* độc thân trong một làng của người theo phái Báp-tít là anh trai của người sáng lập ra làng. Người mẹ theo đạo Phật sống với một trong những người con gái của bà ta, ở cạnh nhà của một người con gái khác, đang là tín đồ Cơ đốc giáo, người đã cưới một trong những tín đồ theo phái Pentecostals [đặt niềm tin vào những phép lạ (đặc biệt là các phép thần chữa bệnh)] tích cực nhất. Thậm chí sau đó anh ta đã sống với vợ ở nhà mẹ vợ trong một thời gian ngắn, nhưng bản thân anh ta lại muốn tạo lập một hộ gia đình riêng của mình vì những mục đích tôn giáo.

Thay đổi tôn giáo không nhất thiết phải kéo dài trong suốt cuộc đời, nhưng đặc

biệt những tín đồ Cơ đốc giáo rất hiếm khi từ bỏ tôn giáo của mình. Hôn lễ giữa những tín đồ đạo Phật theo Thuyết Vạn vật hữu linh và Công giáo rất ít khi xảy ra, nhưng một khi đã xảy ra thì cô dâu và chú rể vẫn có thể duy trì tín ngưỡng riêng của mình. Nếu tín đồ đạo Tin lành lấy một người theo tôn giáo khác, người vợ hay chồng không phải là tín đồ Cơ đốc giáo cũng mong muốn cải đạo. Người theo đạo Cơ đốc giáo đầu tiên trong gia đình luôn tìm cách cải đạo cho những người họ hàng của anh ta hoặc bằng chính bản thân mình hoặc với sự giúp đỡ của các thành viên khác trong cộng đồng Cơ đốc giáo. Chẳng hạn như, một gia đình theo đạo Phật sống trong một làng dành riêng cho những người theo đạo Phật gửi con gái của họ tới một trường nội trú Cơ đốc giáo bởi vì họ đánh giá cao công tác giáo dục và phục vụ tại các trường nội trú đó do Giáo hội Pentecostal Phần Lan tài trợ. Người chủ gia đình bị chi phối bởi người con gái của ông ta và các nhà truyền giáo đạo Pentecostal, vì vậy ông ta có thể trở thành tín đồ Cơ đốc giáo đầu tiên trong làng chuyển đổi đạo, cho dù ông ta chưa quyết định điều đó.

Lựa chọn tôn giáo cũng là do bất chước nhau. Nếu như một tôn giáo nào đó

chiếm ưu thế hoặc những người có thể lực trong làng như trưởng làng chẳng hạn mà theo đạo đó thì những người khác cũng dễ dàng đi theo đạo đó hơn. Trưởng làng trước đây, người sáng lập và một *hi kho* trước đây ở một làng theo đạo Tin lành hiện nay vốn là người đầu tiên chuyển đổi sang Cơ đốc giáo trong cộng đồng; với quyền lực của mình và niềm tin vững chắc vào Cơ đốc giáo, sau này ông ta có khả năng thuyết phục cả làng chuyển đổi đạo. Một thể lực quyết định khác trong việc chuyển đổi tôn giáo là thời kỳ khủng hoảng, ví dụ như ốm đau hàng loạt. Như trên đã đề cập, số lượng những người theo phái *aw cha* ngày càng giảm. Trong những thời kỳ ốm đau và tín ngưỡng truyền thống bị mai một thì việc chuyển đổi sang Cơ đốc giáo mang nặng tâm lý giống như một sự khởi đầu mới. Cũng có hành động tương tự như vậy đối với việc nghiện thuốc phiện: nhìn chung các cộng đồng Cơ đốc giáo rất chú trọng cố gắng không sử dụng bất kỳ loại thuốc nào; chuyển đổi đạo theo cách tượng trưng là đổi đời và tạo nên một sự khởi đầu mới mà không nghiện ngập. Trong những trường hợp như vậy, chuyển đổi đạo của những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh sang Cơ đốc giáo có nhiều khả năng hơn việc chuyển đổi sang Phật giáo hoặc từ Cơ đốc giáo sang một tôn giáo khác. Không một người cung cấp thông tin nào người Karen chuyển đổi từ đạo Cơ đốc sang đạo Phật hoặc thậm chí sang *aw cha* do bị ốm nặng hoặc khủng hoảng tâm lý. Thái độ của các tín đồ đạo Tin lành đối với những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh là thái độ của kẻ mạnh hơn, đem lại cho người ta lòng mong muốn thay đổi một khi *aw cha* đã trở thành gánh nặng. Ở nơi mà đạo Phật là

tôn giáo được lựa chọn của những người thờ cúng tổ tiên trước đây, những người cải đạo nói về lòng mong muốn được đổi mới hoặc loại bỏ hình thức tôn giáo lỗi thời, phức tạp và rắc rối. Tuy nhiên, tín đồ đạo Phật không bao giờ đề cập tới cảm giác của tính ưu việt hơn. Tín đồ Cơ đốc giáo, những người lúc đầu khởi xướng việc từ bỏ *aw cha* để trở thành tín đồ đạo Phật và rồi sau đó lần thứ hai chuyển đổi đạo, nhấn mạnh sự tương phản của sự quan tâm về mặt tinh thần giữa Phật giáo và Cơ đốc giáo. Từ bỏ *si kho mu cha*, tổ tiên giám hộ, là rất nguy hiểm và có thể dẫn đến giai đoạn khủng hoảng, do vậy các tín đồ Cơ đốc giáo sẽ tới ngôi nhà của người cải đạo để cầu nguyện và cùng nhau đọc Kinh thánh.

Thái độ của Phật giáo và Cơ đốc giáo đối với truyền thống và mối tương quan giữa các hệ thống tôn giáo khác nhau

Những người theo Phật giáo cảm thấy gần gũi với những người theo Chủ nghĩa truyền thống, sự khác biệt chính là sự tự do thoát khỏi tổ tiên, những người làm mất quyền lực của họ. Hầu hết các nghi lễ đều giống hệt nhau, từ bỏ Thuyết Vạn vật hữu linh được coi như là một yếu tố đang thịnh hành dưới dạng hợp nhất của đạo Phật. Nhưng cho dù đạo Phật của người Thái vẫn còn chiếm một vị trí nhỏ bé trong nhiều làng, các thế hệ trẻ hơn đã bắt đầu quên dần những kiến thức về việc thực hiện các nghi lễ truyền thống theo đúng cách và quên cả những tục ngữ cổ xưa của ông cha (*thà*) bởi vì hầu hết họ làm việc với tư cách là những người dân lao động di cư tạm thời và có xu hướng tiếp xúc với tôn giáo của người Thái nhiều hơn. Trái ngược với cách làm của nhà thờ Cơ đốc giáo, các nghi lễ truyền thống và

nghe lễ của đạo Phật chủ yếu do những người trung niên và lớn tuổi thực hiện. Thế hệ trẻ hơn, cụ thể là phụ nữ trẻ, chỉ đóng vai trò thụ động. Giảng dạy đạo Phật (*dhamma*) - nếu như có dạy - hầu như chỉ dành riêng cho người Thái ở vùng Trung tâm Thái, hoặc đôi khi thậm chí ở Pali, một nơi không thân thuộc với dân làng. (Một thầy tu kể lại với tác giả rằng không thể giảng đạo Phật bằng ngôn ngữ của người Karen, điều đó có nghĩa là giảng đạo như thế là không phổ biến).

Điểm nổi bật của đạo Phật tại các làng Karen là mang đồ ăn tới cho các nhà sư đang sống gần chùa hoặc cúng cơm trước bàn thờ Phật trong nhà. Thông thường người ta chỉ đến các chùa vào ngày *wan phra* (những ngày lễ Phật) hoặc vào ngày thứ tư *wan sin*, những ngày lễ Phật được quy định theo các tuần trăng, khi họ nghỉ việc. Nếu những nhà sư nổi tiếng tụ họp tại các chùa ở vùng đồng bằng trong những dịp đặc biệt thì dân làng Karen sống ở những vùng quanh đó cũng tới dự lễ và xin bùa hộ mệnh hoặc cầu phúc. Những nhà sư sống tại ngôi chùa của làng - ở những cơ sở tạm thời, và trong những làng nhỏ hơn nếu không có chùa, sẽ rất cô quạnh - những nhà sư ở đó thường có nguồn gốc là người Thái và không biết tiếng Karen. Có một ngoại lệ tại một làng, các sư thầy thậm chí còn giúp dân gặt lúa, phạm vi hoạt động của nhà sư và dân làng chỉ chồng chéo lên nhau tại chùa hoặc khi người đến sau dâng thức ăn cho người đến trước¹.

¹ Một hôm khoảng 50 nhà sư theo đạo Phật từ một tu viện ở Mae Chaem đã tổ chức một "hội thảo" kéo dài 3 ngày tại một ngôi đền bỏ không gần làng của những người theo đạo Phật - Thuyết Vạn vật hữu linh đang sống. Ngoài thiền định, các nhà sư trong hội thảo còn có ý định giúp dân làng làm những công việc hàng

Tín đồ Phật giáo và những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh nhấn mạnh sự lựa chọn mang tính cá nhân của từng người hoặc từng gia đình khi đến với tôn giáo. Không tôn giáo nào cao hơn tôn giáo nào: mục đích của mọi tôn giáo là giống hệt nhau - dẫn tới một cuộc sống đạo đức - và việc làm cho những người khác chuyển sang đạo Phật không được coi là tài giỏi. Người ta còn kể một câu chuyện để chứng minh tính ưu trội của tôn giáo truyền thống. Khi Yòà, Đức Chúa Trời đang tìm những đứa con của Người (nghĩa là các tôn giáo khác nhau) vốn đang trèo lên cây, Người đã tìm thấy tất cả, trừ *aw cha*. Khi Người gọi tên người con bị mất, thì *aw cha* trả lời, "Nhưng con ở trong tai của cha đây". Mặc dù những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh không tiến hành bất kỳ hình thức tái sinh nào của tôn giáo họ, nhưng ít hay nhiều thì họ cũng phải cự tuyệt những nỗ lực truyền giáo của các tín đồ Cơ đốc giáo.

Những người theo giáo phái Báp-tít cố gắng không thực hành các tôn giáo truyền thống; cho nên, đối với những người không phải là tín đồ Cơ đốc giáo thì không tồn tại những tín ngưỡng thông thường. Việc cải đạo sang Cơ đốc giáo được coi như không chỉ là một quyết định mang tính cá nhân, mà là vấn đề của sự đúng đắn: chỉ có Cơ đốc

ngày. Tuy vậy, vào buổi tối đầu tiên, cuộc nói chuyện và việc thiền định chỉ dành riêng cho các nhà sư; không người dân nào tới đền. Những nhà sư tới thăm làng chỉ đi lướt qua người dân và hầu như không chuyện trò gì với họ và dân làng cũng chẳng dám bắt chuyện với các nhà sư. Nói chung, các nhà sư rất được nhân dân kính trọng, trái ngược với các linh mục và mục sư theo đạo Tin lành và Thiên chúa giáo người Karen, những người tham gia vào cuộc sống của dân làng.

giáo, đức tin vào Chúa Trời và chúa Jesus, có thể cứu nhân loại khỏi bóng tối vĩnh cửu². Chính vì thế, những tín đồ đạo Tin lành tự đánh giá mình như một loại thuốc tiên tinh thần. Những người theo giáo phái Báp-tít và các thành viên của các giáo phái đạo Tin lành khác nên cố gắng không thờ cúng thần linh và cũng không uống rượu, một việc làm mang ý nghĩa tế lễ trong khung cảnh của những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh, khi nó đồng hành cùng với các nghi lễ truyền thống nhất. Tuy vậy, các thế giới tôn giáo không hoàn toàn tách rời nhau. Tất cả các thông tin viên là tín đồ Cơ đốc giáo đều cho rằng Chúa Trời, dưới dạng cổ xưa là *Yoà*, và hiện nay thì dưới dạng *thà*, những bài thơ cổ. Từ quan điểm của người Cơ đốc giáo, tôn giáo của người Karen cổ xưa là tín ngưỡng tiền Cơ đốc giáo; những người không theo Cơ đốc giáo thì cho đến bây giờ cũng không tin vào điều đó. Không một người Karen nào phủ nhận sự tồn tại của thần linh - cái có thực đối với họ và vì vậy là nền tảng của mọi tôn giáo. Điều này không dẫn đến thuyết hồ lớn, tuy nhiên, theo các tín đồ đạo Tin lành thì thế giới thần linh là xấu xa và tội lỗi. Chúa Trời là đáng tối cao, mạnh hơn bất cứ các thần linh nào khác, và vì thế không cần phải quan tâm tới các thần linh nào khác nữa, điều đó lại làm phân chia thế giới tôn giáo. Một ngoại lệ thú vị đã xảy ra khi tác giả đang tham gia lễ đón năm mới của các tín đồ Cơ đốc giáo tại một làng quê cùng với những người theo phái Báp-tít, khi

một vài người đàn ông lớn tuổi làm lễ gọi hồn (*kwae khi k'la*) trong nhà thờ để cho thế hệ trẻ biết được những nghi lễ truyền thống cổ xưa của họ. Ý nghĩa tinh thần không quan trọng, tuy nhiên, nó gần giống như một buổi trình diễn văn hóa dân gian, chứ không có vẻ gì là nghiêm trang. Thế hệ trẻ dường như chưa từng được chứng kiến những nghi lễ này. Điều này, một lần nữa, là sự hiện diện của các lĩnh vực tôn giáo khác nhau trong một làng.

Công giáo đã chứng tỏ sự hoàn toàn rộng mở của nó đối với các nghi thức truyền thống. Trái ngược với các tín đồ theo đạo Tin lành, họ rất dễ dàng tham dự vào tất cả các nghi lễ, cho dù họ rất ít khi dâng lễ vật. Nếu như có một đám cưới truyền thống hoặc của người theo đạo Phật, thì các gia đình theo đạo Công giáo sẽ nấu rượu cho ngày cưới đó, trong khi người theo đạo Tin lành thì lại không làm thế. Những người già theo đạo Công giáo vẫn còn dùng thần chú ma thuật để chữa bệnh, trong khi người theo đạo Tin lành lại không làm như vậy³. Như đã đề cập ở trên, hôn nhân trong nhóm giữa người theo đạo Công giáo và người theo Thuyết Vạn vật hữu linh hoặc theo đạo Phật là không có vấn đề gì. Tri thức về một số truyền thống tôn giáo, chẳng hạn như quan niệm về 37 hồn, cái được coi là yếu tố cơ bản đối với mỗi con người, dường như là

² William H. Brackney, *Những người theo phái Báp-tít* (New York: Greenwood Press, 1988); Eleonore Pieh, *Chiến đấu như David - Chạy như Lincoln. Những ảnh hưởng chính trị của trào lưu Tin lành chính thống ở hiệp chủng quốc Hoa Kỳ* (Munster: Lit, 1998).

³ Joni Odosho, một người dân theo đạo Công giáo được nhiều người mến mộ ở huyện Mae Wang, người đã giúp bảo vệ các làng trong huyện chống lại việc quy hoạch lại các làng này, đã cung cấp rất nhiều thông tin về Công giáo và các tín ngưỡng truyền thống. Ông ta đã ủng hộ mạnh mẽ sự khoan dung tôn giáo và nhận thấy không có sự khác biệt cơ bản giữa các tôn giáo đối với nhận thức của người Karen về sinh thái, cái nằm sâu trong cội nguồn văn hóa của họ.

điều hiển nhiên trong gia đình những người theo đạo Công giáo hơn là trong gia đình những người theo đạo Tin lành. Trong một làng, một người già theo đạo Công giáo vẫn thường trình diễn múa kiếm, vốn đòi hỏi người múa kiếm phải uống rượu và đọc thần chú trước khi biểu diễn⁴. Rượu không bị cấm, do vậy nếu những người theo đạo Công giáo tham gia vào các nghi lễ của đạo Phật hay các nghi lễ truyền thống khác thì việc uống rượu không có vấn đề gì, và việc uống rượu có tính chất nghi lễ khi các thành viên của gia đình gặp lại nhau sau một thời gian dài là điều bình thường đối với người theo đạo Công giáo cũng như những người không theo đạo Cơ đốc. Đối với các tín đồ Công giáo, biên giới tôn giáo lan rộng hơn so với các tín đồ đạo Tin lành, và quan điểm chính thức của Giáo hội đối với các tôn giáo truyền thống trở nên khoan dung hơn sau Hội đồng Vatican lần thứ hai 1962-1965.

Trái ngược với sự đối kháng của chính phủ Miến Điện theo đạo Phật và giới lãnh đạo người Karen phiến loạn theo Cơ đốc giáo ở Miến Điện, những người đã và đang chiến đấu vì nền tự trị hơn nửa thế kỷ qua, những tín đồ Cơ đốc giáo ở Thái Lan, bất kể giáo phái, không chú trọng bất kỳ sự đối kháng nào với những người theo đạo Phật hoặc với dân tộc. Nhà vua, người đứng đầu của một nước và cho đến bây giờ là trụ cột quan trọng nhất của ý thức hệ dân tộc, là

người có địa vị cao và được toàn thể tín đồ tôn giáo quý trọng. (Tự do tôn giáo được hiến pháp công nhận, và Nhà vua là người bảo trợ không chỉ của đạo Phật mà còn của tất cả các tôn giáo đang thịnh hành ở Thái Lan). Thiếu kiến thức về Phật giáo, một tôn giáo mà hơn 90% dân số của đất nước đi theo, là điều dễ dàng nhận thấy, thậm chí ngay cả trong số các tín đồ Cơ đốc giáo có giáo dục, và bất cứ khi nào một vụ bê bối mới hoặc thậm chí những hành động tội phạm dính dáng tới các nhà sư theo đạo Phật xảy ra, thì một vài thông tin viên theo đạo Tin lành biết được lại nhấn mạnh tới tính ưu việt về đạo đức của những người theo đạo Cơ đốc giáo. Điều này lại biểu thị một hình thức chia rẽ tôn giáo. (Các tín đồ đạo Tin lành cũng tự cho mình là người mộ đạo hơn các tín đồ Công giáo từ khi những người theo đạo Công giáo sau này không hoàn toàn từ bỏ rượu và các tín ngưỡng truyền thống nào đó, như vừa đề cập ở trên).

Các nghi lễ của những người đạo Phật và những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh thường được tổ chức riêng lẻ ở từng gia đình. Các nghi lễ có sự tham gia của toàn thể dân làng là lễ đón mừng năm mới, nơi các *hi kho* phải làm lễ cúng cho *Thi K'cha Gaw K'cha*, người bảo vệ làng. Đoàn ông của làng tụ tập tại bàn thờ cúng thần linh ở phía ngoài làng và gia đình nào cũng hiến tế một con gà. Bằng cách này, mối quan hệ chặt chẽ giữa dân làng càng được củng cố. Đoàn ông thì uống rượu với nhau, trong khi bọn trẻ chơi cùng nhau; tuy vậy, những người phụ nữ lại có vẻ thụ động và đôi khi phụ nữ không được phép tham gia. Các hoạt động của nhà thờ Cơ đốc giáo cũng tương tự như truyền thống của phương Tây. Trong khi hành lễ, bọn trẻ phải trật tự

⁴ Trong khi nhảy múa, người biểu diễn tình cờ cắt tai của mình bằng một trong hai cái kiếm của anh ta. Thật là may mắn anh ta chỉ bị thương nhẹ. Một trong số những trợ lý diễn đã của tác giả theo đạo Tin lành, người không hiểu rõ giá trị của việc uống rượu và sử dụng bùa chú ma thuật, đã nói rằng người biểu diễn có vẻ thích tự làm đau mình bởi vì anh ta vẫn thực hành các yếu tố tôn giáo truyền thống bất chấp mình là người theo đạo Công giáo.

khi mục sư hay linh mục giảng đạo và những người đến dự thì lắng nghe, cầu nguyện và hát. Những câu chuyện trong Kinh thánh bắt nguồn từ một thế giới khác và thậm chí từ một không gian khác, nhưng các hoạt động của nhà thờ lại luôn được tổ chức tại nhóm người Sgaw-Karen và Kinh thánh cũng được viết bằng ngôn ngữ của nhóm người đó.

Các mạng xã hội

Nhìn chung người Karen cảm thấy rất gần gũi với làng quê và khu vực (*gaw*) sinh sống của họ, thường bao gồm một vài làng. Làng này được thần *Thi K'cha Gaw K'cha* bảo vệ. Trong một làng đã nói ở trên, cho dù không có mô hình định cư thực sự dựa trên tôn giáo trong các cộng đồng đa tôn giáo, người ta vẫn có thể tìm thấy những cụm dân cư hay những nhóm hỗn hợp gồm các thành viên cùng giáo phái. Như đã đề cập ở trên, nguyên nhân là do xu hướng chỉ có một tôn giáo trong một gia đình, và những người là họ hàng với nhau thì sống gần nhau. Ở một số nơi, những người theo giáo phái Báp-tít sống trong một khu vực riêng của làng. Trước đây đối với các tín đồ Cơ đốc giáo việc di chuyển nhà đi nơi khác là sự kiện bình thường và họ tự xây làng mới cho mình. (Có thể hiện nay một số người theo đạo Báp-tít vẫn tiếp tục làm như vậy, đó không phải là những hạn chế của người Thái trong việc phát quang những miền đất mới và thiết lập những làng mới). Điều này là hiển nhiên ở một vùng thuộc huyện Mae Chaem, nơi 4 làng cùng có chung nguồn gốc, hai làng hầu hết là người theo Cơ đốc giáo và hai làng là người theo Phật giáo/Thuyết Vạn vật hữu linh. Ở một làng khác của huyện Mae Wang gồm 103 hộ gia đình, nơi đây hầu như có tất cả các tôn giáo

hiện hữu, chiếm ưu thế nhưng không phải chỉ có Công giáo, khu vực dành cho những người theo đạo Phật cũng rất phổ biến, trong khi các gia đình theo đạo Tin lành và theo Thuyết Vạn vật hữu linh lại ở rải rác khắp làng.

Các nhóm tương trợ lẫn nhau, đôi công trong trồng lúa, gặt hái hay làm nhà - nói đến những chức năng quan trọng nhất - không phải được tổ chức theo tôn giáo. Mọi thành viên trong nhóm tương trợ này hầu hết là họ hàng, nhưng cũng có thể những gia đình ấy chỉ có mối liên hệ bạn bè. Các tín đồ Cơ đốc giáo, những người không tham dự nghi lễ của các tín đồ theo Thuyết Vạn vật hữu linh, trước khi thu hoạch lúa sẽ tới giúp đỡ họ khi các nghi lễ đã kết thúc. Một người theo đạo Phật nhận xét rằng đối với các tín đồ Phật giáo và Thuyết Vạn vật hữu linh, không bắt buộc các thành viên trong gia đình hoặc trong tổ đội công tham dự nghi lễ. Tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc cần còn giá trị hơn nhiều so với việc cùng đồng nhất tôn giáo trong phạm vi một nhóm⁵. Tuy nhiên, tình đoàn kết của các cư dân mạnh nhất là ở trong các làng chỉ có duy nhất một tôn giáo kể từ khi không có những xung đột tôn giáo, và các nghi lễ như Lễ mừng năm mới thường lôi cuốn được cả làng tham gia, ít nhất là một đại diện của mỗi hộ gia đình.

⁵ Tuy nhiên, một trong số những trợ lý điền dã của tác giả đã kể về một làng của những người theo đạo Phật/Thuyết Vạn vật hữu linh trước đây. Bất cứ khi nào có một ai đó bị đưa đi bệnh viện, thì một nhóm đàn ông sẽ làm việc đó. Một hôm anh ta nhìn thấy chỉ có 4 người đàn ông, thay vì 8 người, đang phải rất vất vả để đưa một người ốm tới bệnh viện ở vùng thấp. Hóa ra họ là những tín đồ Cơ đốc giáo, và những người không phải là tín đồ Cơ đốc giáo từ chối giúp họ bởi một vài xung đột về tôn giáo.

Một người phụ nữ đứng tuổi sống trong một làng dành riêng cho những người theo đạo Báp-tít nói rằng nếu như những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh sống ở đó, thì họ phải tuân theo những quy định của Cơ đốc giáo như cấm làm việc vào ngày chủ nhật, trong khi linh mục giáo phái Báp-tít lại e ngại rằng những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh sẽ có một chút tác động tới những tín đồ Cơ đốc giáo tận tâm. Nếu so sánh các làng với nhau, có thể nói rằng tình đoàn kết láng giềng trong các làng dành riêng cho người Cơ đốc giáo (Báp-tít) là mạnh mẽ nhất. Nguyên nhân là bên cạnh các buổi lễ của nhà thờ được tổ chức ba lần trong mỗi chủ nhật, các buổi sinh hoạt đều đặn khác như các buổi lễ vào các tối thứ tư cũng được tổ chức. Thậm chí một số làng nhỏ có các nhóm phụ nữ và thanh niên cũng tổ chức các buổi sinh hoạt đều đặn. Trong buổi lễ, các tín đồ đã kể những khó khăn của họ với Chúa hoặc với Đại Thiên chúa của mình. Đôi khi những người trẻ tuổi hoặc phụ nữ điều hành buổi lễ nhiều hơn các mục sư. So sánh với Thuyết Vạn vật hữu linh và Phật giáo (đặc biệt là sau này), nơi mà các nghi lễ được cử hành bởi các chuyên gia tuy chiếm số đông nhưng ít nhiều đóng vai trò thụ động, sự tham gia của các tín đồ Cơ đốc giáo thì vô cùng sống động, đã chủ động tập hợp mọi thành viên trong cộng đồng. Ở những làng thuần Cơ đốc giáo, các thanh niên nam nữ tham gia rất tích cực vào đời sống tôn giáo. Ngược lại, trong thế giới đạo Phật các sư và những người đàn ông đứng tuổi là những thành viên tích cực và trong bối cảnh của những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh thì lại không có các chuyên gia là phụ nữ hay những người trẻ tuổi.

Nếu như người dân Karen được hỏi liệu đã có những xung đột về tôn giáo chưa, hiếm có một câu trả lời thẳng thắn được đưa ra trong một xã hội được xây dựng trên nền tảng tránh những xung đột, nhưng những vấn đề rắc rối giữa các thành viên theo các tôn giáo khác nhau vẫn cứ xảy ra. Một trong những nguyên nhân diễn ra thường xuyên nhất là nhấn mạnh vào việc chỉ có một tôn giáo duy nhất trong một gia đình, đặc biệt là trong các hộ gia đình theo đạo Tin lành. Đối với các gia đình theo đạo Phật, sự kiện này không quan trọng lắm. Tuy nhiên, một người nguyên là trưởng làng của một làng theo phái Báp-tít đã phải chịu đựng tình cảnh rắc rối khi con gái của ông ta lấy một người Shan. Từ khi cô ấy sống ở làng của người Shan, cô và các con của mình đã trở thành người theo đạo Phật. Một cặp vợ chồng gia theo phái Báp-tít phàn nàn rằng con trai họ, đang sống với vợ ở làng bên, đã chuyển sang đạo Phật.

Những nỗ lực không ngừng nhằm cải đạo cũng đã bị những người không theo Cơ đốc giáo từ chối; ở làng của người theo đạo Phật/Thuyết Vạn vật hữu linh, người ta ném đá vào những nhà có các nhà truyền giáo đang ở. Đôi khi những người không theo Cơ đốc giáo phàn nàn rằng những tín đồ Cơ đốc giáo được nhà thờ hỗ trợ và vì vậy kinh tế của họ sung túc hơn, nhưng ngược lại chẳng ai giúp ai cả. Ở một trong số các làng đa tôn giáo, những người không theo Cơ đốc giáo quan sát gia đình của trưởng làng theo Cơ đốc giáo một cách ngờ vực bởi vì dường như họ đã được các tín đồ sống ở làng gần đó hỗ trợ. Đôi khi các tín đồ theo đạo Phật/Thuyết Vạn vật hữu linh buộc tội các tín đồ Cơ đốc giáo thực hành tôn giáo của *farang* (theo

thuật ngữ Thái chỉ những người phương Tây); ý kiến này rõ ràng phản ánh ảnh hưởng của người Thái. Đôi khi người ta cho rằng các tín đồ Cơ đốc giáo chuyển đổi đạo chỉ vì tiền hỗ trợ của nhà thờ. Các tín đồ đạo Tin lành cũng bị chỉ trích về việc đề cập quá nặng nề về điểm không khoan dung của Cơ đốc giáo, bởi vì họ không được phép uống rượu nữa. Mặt khác, những cuộc xung đột giữa các tín đồ Công giáo và những người không theo Cơ đốc giáo dường như rất ít xảy ra. Một vài năm trước đây, ở một làng vẫn còn những vấn đề phức tạp về nghi lễ cưới hỏi, khi những người theo đạo Phật cứ khăng khăng tổ chức đám cưới theo nghi lễ Phật giáo cho mọi người, nhưng sau khi có cuộc nói chuyện giữa các nhà sư và các linh mục thì xung đột cũng đã được giải quyết.

Đổi mới kinh tế và nhận thức về sinh thái

Trái ngược với một số nhóm tộc người thiểu số khác ở miền Bắc Thái Lan⁶, tư tưởng của những người bảo vệ môi trường tự nhiên là phổ biến trong truyền thống của người Karen. Một vài loại rừng đã

được bảo vệ, chẳng hạn như rừng đầu nguồn và rừng dùng để an táng những người trong làng và đường mòn của thần linh, kể cả rừng dọc theo những rặng núi dài. Nếu dân làng phá hủy những rừng đó thì thần linh sẽ trả thù. Tuy nhiên, việc bảo tồn rừng xung quanh làng gần như không coi trọng vấn đề tôn giáo một cách đúng mức. Việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp ở các làng mà tác giả tiến hành điền dã khá hạn chế hơn so với những làng của các dân tộc thiểu số khác ở miền Bắc Thái Lan. Bắp cải là loại rau trồng phổ biến ở các vùng người Hmông của huyện Mae Chaem, cũng như tỏi và gừng ở các làng của người Lisu ở huyện Pai. Cả hai nhóm tộc người trên đều quan tâm hơn tới việc trồng cây để thu lợi nhuận cao, những loại cây thường xuyên đòi hỏi phải có phân bón và thuốc trừ sâu. Người Karen thường sống nhiều năm trên cùng một mảnh đất, trong khi đó các làng của người Hmông, Lisu, La Hủ hoặc Akha lại thường xuyên di chuyển khi đất bạc màu. Thuốc trừ sâu chỉ được sử dụng rộng rãi trong các trường hợp như một làng người Karen theo đạo Tin lành sống gần Mae Hong Son, nơi mà hai gia đình cho thuê ruộng của mình ở gần làng của người Shan để trồng tỏi.

Bất chấp sự thay đổi ở những nơi người ta du nhập các loại cây trồng cho lợi nhuận cao, tư tưởng về bảo tồn vẫn còn hiện diện trong tất cả người Karen, bởi vì những tín đồ Cơ đốc giáo được phỏng vấn vẫn giữ tư tưởng về bảo tồn, nó là một phần của văn hóa Karen: tư tưởng hài hòa giữa tự nhiên và con người vẫn còn tồn tại. Do vậy, các tín đồ Cơ đốc giáo đã quá quen thuộc với những kiến thức về sinh thái và họ không cần thiết phải là nhà cải cách kinh tế chỉ bởi vì họ phải không lệ thuộc vào thần linh. Ở một

⁶ Prasert Trakarnsuphakorn, “Hiểu biết của người Karen trong bảo tồn tài nguyên”, do McCaskill và Kampe chủ biên; *Phát triển hay khai hóa?*, tr. 205-18; Uraivan Tan Kim-yong, “Văn hóa Karen. Cùng tồn tại hai hệ thống bảo tồn rừng”, cũng trong tập trên, tr. 219-36; Maren Tomforde, “Tính toàn cầu trong tính địa phương: Các phương thức sử dụng nguồn tài nguyên đang còn nhiều tranh cãi của người Karen và Hmông ở miền Bắc Thái Lan”, *JSEAS*, 34, 2(2003): 347-60; và Shalardchai Ramitanondh và Virada Somwasdi, “Tác động của sự tàn phá rừng và chương trình tái trồng rừng đối với chiến lược sống còn của hộ gia đình và việc làm của phụ nữ. Nghiên cứu trường hợp người Karen và Lisu tại một làng ở miền Bắc Thái Lan” (Chiang Mai: báo cáo chưa xuất bản của Viện Nghiên cứu bộ tộc, 1992).

vùng định cư của những người theo phái Báp-tít, người ta không dùng hóa chất để bón cho lúa. Ở một làng theo đạo Phật, trong canh tác nương rẫy người ta có sử dụng hóa chất, cũng giống như ở một làng khác của những người theo đạo Tin lành cũng sử dụng hóa chất để bón cho lúa và các loại cây trồng cho thu nhập cao. Nếu hóa chất được sử dụng hoặc những cây trồng mới cho thu nhập cao được du nhập, đó là do ảnh hưởng của những người láng giềng. Đôi khi người ta nói rằng “Chúng tôi phun thuốc sâu là do chúng tôi học từ người Lisu” hoặc “Chúng tôi đã học người Hmông cách trồng cải bắp”.

Các cơ quan chính phủ như Dự án của nhà Vua hoặc các tổ chức phi chính phủ dạy kỹ thuật mới và cách trồng những loại cây trồng mới cho thu nhập cao. Những làng quê sống gần vùng thấp và gần chợ chịu ảnh hưởng của những mô hình sử dụng đất của người Thái nhiều hơn. Năm thập kỷ trước đây, những tổ chức Cơ đốc giáo là những tổ chức hầu như chỉ quan tâm tới sự phát triển ở vùng sâu vùng xa. Ngày nay, những người cải đạo theo Cơ đốc giáo là những người tương đối cởi mở đối với hiện đại hóa, không phải vì họ đã từ bỏ việc thờ cúng thần linh của họ mà hơn nữa còn là do sự giúp đỡ của các nhà truyền giáo. Nghèo đói được phân chia đồng đều trong nhóm người Karen, cho dù họ theo tôn giáo nào. Chỉ các làng xa xôi của những người theo Thuyết Vạn vật hữu linh là nghèo nhất, thiếu hệ thống xử lý nước thải và những tiêu chuẩn vệ sinh thích hợp.

Các mạng lưới tôn giáo vùng đô thị

Vài ngàn người dân di cư Karen sống tạm trú hay lâu dài ở Chiang Mai, thành phố lớn thứ hai của Thái Lan. Thành viên của

các dân tộc thiểu số có xu hướng sống cùng nhau trên những vùng đất nhất định của thị trấn, và bản sắc dân tộc cũng như bản sắc tôn giáo được coi như mốc ranh giới giữa các dân tộc. Trong một khu định cư của người Karen gồm có 40 gia đình, nhưng còn có 3 hộ gia đình theo giáo phái Báp-tít; trong một nhóm khác gồm 10 gia đình, thì chỉ có một hộ gia đình theo đạo Phật. Điều này đã cho thấy tầm quan trọng của cộng đồng tôn giáo. Tuy nhiên, các mạng lưới xã hội không chỉ bị ảnh hưởng bởi tôn giáo. Các tôn giáo khác nhau cùng tồn tại trong những gia đình đơn lẻ và các nhóm đơn lẻ khác, chẳng hạn như các nhóm tương trợ lẫn nhau.

Tôn giáo và bản sắc tộc người tương tự như một thực thể duy nhất bao gồm bản sắc của từng cá nhân như là tín đồ Cơ đốc giáo người Karen. Tự nhận mình là tín đồ Cơ đốc giáo có nghĩa là ít nhiều đối lập với xã hội Thái Lan theo đạo Phật. Bản sắc tộc người của người Sgaw-Karen được củng cố bởi các tín đồ theo đạo Tin lành, đặc biệt là các giáo hội Báp-tít của người Karen. (Có hai giáo hội Báp-tít giảng đạo cho người Sgaw-Karen; đối với tất cả các giáo phái khác của đạo Tin lành cũng như của đạo Công giáo, cộng đồng các giáo phái bao gồm các dân tộc khác nhau). Nhà thờ là trung tâm của các hoạt động xã hội và tinh thần giúp củng cố bản sắc tộc người; thậm chí ở thị trấn, các tín đồ Cơ đốc giáo người Karen cảm thấy cần phải mặc quần áo truyền thống của họ khi tham gia các hoạt động tại nhà thờ. Còn có các khóa học bằng ngôn ngữ và chữ viết của người Sgaw cho giới trẻ học Kinh thánh. Liên quan tới việc mất khả năng nói tiếng Sgaw, các tín đồ Cơ đốc giáo luôn luôn nói tới những người theo đạo Phật. Những người sau này đồng ý rằng

số lượng thanh niên không phải là tín đồ Cơ đốc giáo ở thị trấn còn nói được tiếng Karen ít hơn so với các thanh niên là tín đồ Cơ đốc giáo, nhưng người ta cũng tranh luận rằng hầu hết những người Karen theo đạo Phật, cho dù họ cùng thực hành tôn giáo giống như người Thái, thì họ vẫn giữ được bản sắc của người Karen. Hầu hết những tín đồ Cơ đốc giáo ở thị trấn khi được phỏng vấn thường khẳng định rằng họ cảm thấy gần gũi với nhóm Karen khác, cho dù họ không phải là những tín đồ Cơ đốc giáo, hơn là với các tộc người khác.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của bản sắc tộc người phụ thuộc vào địa vị xã hội và sự lựa chọn của cá nhân⁷. Người có học vấn càng cao thì càng có nhiều khả năng thay đổi bản sắc tộc người, và các kiểu định cư cũng ít bị phụ thuộc vào sắc tộc. Ví dụ: những người Karen có học vấn cao như giảng viên các trường đại học hoặc những người đứng đầu các tổ chức phi chính phủ (NGO) thì được coi là “người Thái” do những kỹ năng ngôn ngữ và nghề nghiệp của họ. Họ là những người sử dụng song ngữ và song văn hóa và họ còn có thể lựa chọn dân tộc mà họ mong muốn gắn bó với nó trong thế giới bên ngoài. Cho dù không phải tất cả, trước công chúng một số người không thừa nhận mình là người Karen. Nếu như họ tới vùng người Karen sinh sống, mặc dù vậy, họ cũng sẽ được chấp nhận là người Karen, bởi vì họ nói tiếng Karen và biết cách ứng xử trong khung cảnh riêng biệt đó. Không ai liên kết họ với những người dân Karen bị lâm vào cảnh đói nghèo, những người phải ra thành

phố kiếm việc làm; những thế hệ sau này dễ dàng được những người Thái công nhận là người Karen bởi giọng nói của họ và đôi khi là bởi vẻ bên ngoài của họ. Nhiều người trong số họ chọn việc sống cùng với những người Karen khác bởi vì họ cảm thấy gần gũi hơn với những người có cùng nền tảng tộc người và tôn giáo với họ.

Kết luận

Bản sắc tôn giáo của người Karen theo đạo Phật không có sự kết nối với bản sắc tộc người; tôn giáo không phải là người đánh dấu sự phân ly. Rõ ràng việc sử dụng ngôn ngữ Thái trong khung cảnh đạo Phật làm tăng thêm sự hòa nhập của người Karen trong xã hội Thái. Chẳng hạn như, dân di cư là những người lao động trẻ khi trở về làng thường theo đạo Phật của người Thái, bởi vì ở thị trấn chẳng có nơi nào cho tôn giáo truyền thống tồn tại, và các chùa của đạo Phật đã trở thành trung tâm cho đời sống tôn giáo của họ. Tương tự như vậy, những sinh viên học tại các trường nội trú hoặc sống tại Wat Sri Soda là những người lớn lên trong khung cảnh đạo Phật của người Thái, ở một chừng mực nào đó điều này vẫn sẽ còn tiếp tục nếu họ trở về nông thôn. Tuy thế, những người Sgaw-Karen theo đạo Phật sống tập trung ở các miền đồi núi sẽ tự cho mình là nhóm Sgaw đối lập với các tộc người khác. Bởi vì những người Karen được phỏng vấn đã chỉ ra rằng, họ cùng chung một ngôn ngữ, một số phong tục tập quán nào đó (chẳng hạn như tương trợ giúp đỡ nhau hoặc cùng ở chung một làng) và cùng có chung ý nghĩ là cùng tộc người, họ đã cùng nhau tự bảo vệ mình chống lại các láng giềng mạnh hơn. (Clive Christie đã nêu lên địa vị thấp kém

⁷ Platz, “Di cư và bản sắc tộc người”; Platz, *Sự bên bi và thay đổi*.

hơn và mối quan hệ thù địch của người Karen đối với người Miến Điện như là đặc điểm chung của bản sắc người Karen ở Miến Điện⁸). Thậm chí người ta có thể mô tả đặc tính văn hóa của người Karen là văn hóa của sự nghèo đói với các mối liên kết xã hội mạnh mẽ chống lại môi trường luôn luôn thù địch. Những người Karen theo đạo Phật nhận ra được sự khác biệt về tôn giáo, nhưng bản sắc tộc người là quan trọng nhất.

Bản sắc của người theo Thuyết Vạn vật hữu linh có nhiều xu hướng phân chia, cho dù nó ít có tính riêng biệt hơn bản sắc của đạo Tin lành. Không thấy một ai theo Thuyết Vạn vật hữu linh khi được phỏng vấn đã nói rằng các truyền thống tôn giáo phải được gìn giữ như là cốt lõi của bản sắc người Karen. Thậm chí một người vẫn còn thực hiện cúng lễ tổ tiên nói rằng điều đó không quan trọng cho dù *aw cha* có được gìn giữ hay không, nhưng tri thức về bản sắc và những truyền thống của người Karen nói chung cần phải được ghi nhớ.

Biên giới của bản sắc tôn giáo của người Karen theo phái Báp-tít ít nhiều mang tính cố định. Ngôn ngữ tế lễ luôn luôn là tiếng Sgaw, cho dù các sự kiện trong lịch sử Kinh thánh lại rất khác với những trải nghiệm của người Sgaw-Karen. Người

Karen theo đạo Tin lành nhấn mạnh rằng ngôn ngữ, chữ viết và trang phục truyền thống của họ cần phải được sử dụng trong nhà thờ, theo cách ấy càng làm tăng thêm sự phân ly tộc người; các tín ngưỡng truyền thống bị loại bỏ do mọi nghi lễ chỉ mang tính hình thức. Các tín đồ đạo Tin lành có sự phân biệt giữa truyền thống và tôn giáo. Đặc biệt, tính ưu trội về đạo đức, đặc biệt so với người Thái, luôn luôn được đề cao.

Đối với các tín đồ Công giáo, bản sắc tộc người ít có mối liên kết với bản sắc tôn giáo hơn so với các tín đồ đạo Tin lành. Thậm chí nếu như không có bản sắc liên - Cơ đốc giáo, tuy nhiên, các tín đồ Công giáo thường tìm kiếm các mối liên hệ với các nhóm Cơ đốc giáo khác. Nhìn chung, đạo Cơ đốc luôn chú ý tới sự gắn bó liên tục như ở người Karen bởi vì cùng với việc thực hành tôn giáo và nghi lễ - những cái đã thay đổi một cách cơ bản, thì ngôn ngữ vẫn được duy trì và thậm chí sẽ được củng cố hơn nữa, cũng như với trang phục truyền thống. Còn có những tình cảm thâm kín khác nhau được nhắc tới ở trên như trường hợp của người Karen vì họ từng bị các tộc người khác thống trị. Các nhà truyền giáo không bao giờ muốn người Karen từ bỏ bản sắc của mình, coi họ như những người có đạo đức tốt phù hợp với Cơ đốc giáo. Những người được phỏng vấn luôn đề cập tới vấn đề này: ở một chừng mực nào đó việc trở thành tín đồ Cơ đốc giáo và trở thành người Sgaw-Karen là không thể tách rời được và vì thế một ngày nào đó tất cả người Karen sẽ trở thành tín đồ Cơ đốc giáo. Tuy vậy, cho dù các tín đồ Cơ đốc giáo thích sống cùng với các tín đồ Cơ đốc giáo khác hơn, bởi vì - như họ nói - cuộc sống sẽ dễ chịu hơn, những người Karen

⁸ Clive J. Christie, *Lịch sử Đông Nam Á cận đại. Sự phi thực dân hóa, chủ nghĩa dân tộc và chính sách ly khai* (London: Tauris, 1996), tr. 53. Christie đã tranh luận đến tận cùng rằng Cơ đốc giáo, kết hợp với nền giáo dục do các tín đồ Cơ đốc giáo đề xuất, là đặc tính chủ yếu của bản sắc tộc người Karen sống riêng rẽ ở Miến Điện (tr. 55). Khẩu hiệu "Trở thành người Karen là trở thành tín đồ Cơ đốc giáo" đã được các nhà truyền giáo người Karen ở Miến Điện đưa ra tại Thái Lan (Hovemyr, *Tìm kiếm vua Karen*, tr. 170).

không theo Cơ đốc giáo vẫn là anh em và hôn nhân hỗn hợp với các tộc người khác vẫn xảy ra, cho dù không thường xuyên.

Những tín đồ Cơ đốc giáo tin rằng tôn giáo của họ là loại chân lý tối thượng. Đối với các tín đồ đạo Tin lành, còn hơn cả các tín đồ Công giáo, Cơ đốc giáo được xem là cao hơn tất cả các tôn giáo khác. (Các cuộc xung đột giữa các tín đồ Công giáo và những người không theo Cơ đốc giáo ít thường xuyên hơn và ít nghiêm trọng hơn). Họ tự xác định mình là “các tín đồ Cơ đốc giáo nguyên thủy” (theo nghĩa là các yếu tố Cơ đốc giáo tồn tại trong thế giới quan của người Karen, thậm chí trước khi các nhà truyền giáo đến), và biên giới tôn giáo đã được cố định⁹. Coi Cơ đốc giáo là tôn giáo phổ biến, trái với Phật giáo, một thứ tôn giáo chiếm ưu thế trong dân chúng ở Thái Lan, càng làm tăng thêm địa vị của người Karen theo Cơ đốc giáo. Biên giới tôn giáo và biên giới tộc người được củng cố bởi các mối tương quan giữa hai loại hình này. Đối với những người Karen theo đạo Phật, chỉ có bản sắc tộc người còn duy trì được do họ sống tách khỏi người Thái.

⁹ Đôi khi có những cuộc xung đột bên trong cộng đồng những người theo đạo Tin lành, chẳng hạn như trong một làng của người theo phái Báp-tít, nơi các thành viên của Giáo phái truyền đạo Cơ đốc giáo của những người theo trào lưu chính thống đã kích động chống lại những người theo phái Báp-tít, người ta gọi họ là những tín đồ Cơ đốc giáo “thực sự”. Các nhà thờ của các tín đồ theo trào lưu chính thống cũng bị ảnh hưởng ngày càng nhiều, nhưng vẫn có thể nhận thấy rằng trong tương lai họ sẽ quan trọng như thế nào và liệu họ có hành động khác những người theo phái Báp-tít nhiều không.

Sự sáp nhập tôn giáo có thể trở thành người đánh dấu sự khác biệt bên trong nội bộ tộc người. Cùng với sự tự do tôn giáo do hiến pháp quy định, các quan chức người Thái không cấm các nhà truyền giáo đạo Cơ đốc thực hiện công việc của mình. Tuy nhiên, đôi khi các tổ chức Cơ đốc giáo ít nhiều công khai chỉ trích việc phá hoại ngầm sự hòa nhập của các nhà truyền giáo trong xã hội mà đạo Phật chiếm ưu thế¹⁰. Tuy nhiên, mức độ đối lập cũng không cần phải phóng đại lên. Phải thừa nhận rằng một trong số những người Karen có trình độ đã phản ứng khi được hỏi về mối quan hệ của họ với các tộc người khác, cụ thể là với người Thái, anh ta trả lời là “Anh có thể tin cậy người P’ganyaw (Sgaw-Karen), chứ không phải người Thái”. Chừng nào mà sự khác biệt này không tăng lên và không bị công cụ hóa về mặt chính trị, thì những xung đột sẽ không dẫn tới việc hoàn thiện tính độc quyền của phía bên kia và những người Karen ở Thái Lan, trong việc duy trì bản sắc tộc người riêng biệt, được coi là những người biết khoan dung trong khi những cuộc xung đột tộc người và tôn giáo trên toàn thế giới đang ngày càng gia tăng.

Nguyễn Thị Hồng Nhị dịch
Trần Hồng Hạnh hiệu đính

¹⁰ Từ viễn cảnh đạo Phật của người Miến Điện, Cơ đốc giáo gắn liền với tư tưởng không khoan dung, kiêu ngạo và chuyên chế; Gravers, *Chủ nghĩa dân tộc là sự đa nghi chính trị*, tr. 22. Cơ đốc giáo gắn liền với mối đe dọa về tính toàn vẹn dân tộc do kinh nghiệm của thực dân Anh trước đây đã công khai khuyến khích các nhà truyền giáo làm việc ở những vùng có các dân tộc thiểu số sinh sống và thực tế đã làm cho họ ngày càng thêm xa lánh người Miến Điện.